

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 517/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03/9/2020

V/v vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Ông Nguyễn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thơi – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 831/2019/TLST-HN ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc: “vụ án ly hôn - mâu thuẫn gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm X (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: P, Phường N, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm Y (vắng mặt).

Địa chỉ: P, Phường N, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2019 cùng các bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống từ năm 1983, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh (theo giấy chứng nhận kết hôn số 56TH, quyển số 01/97 ngày 28/01/1997).

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2010 do bất đồng về quan điểm sống, cách sinh hoạt, ông T không chăm lo con cái, gia đình, thường xuyên vô cớ cãi vã, ngoại tình. Mặc dù đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả, tình cảm vợ chồng ngày càng bị rạn nứt, không còn tôn trọng lẫn nhau. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Từ khi sống ly thân không ai quan tâm đến ai, ông T cũng bỏ nhà đi từ khoảng năm 2012.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Th, sinh năm Z. Do con đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Thu Th xin vắng mặt, ông Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử. Tuy nhiên cần khắc phục về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Thu Th và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà Th và ông T đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Xét thấy, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Th xin ly hôn ông T là có cơ sở chấp nhận. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Th, sinh năm Z. Ông Nguyễn Hoàng Th đã thành niên, đề nghị Tòa án không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không có

Căn cứ Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Mặc dù, ông T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến phản hồi.

Đối với sự vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa, xét thấy quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn đều có mặt, đã có lời khai cũng như đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Ngày 17/3/2020, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

Do đó, căn cứ điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Th yêu cầu ly hôn với ông T. Do đó đây là “vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại địa chỉ P, Phường N, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu Th và ông Nguyễn Văn T quen biết, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 56TH, quyển số 01/97 ngày 28/01/1997, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu Th và ông Nguyễn Văn T là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng từ năm 2010, bà Th, ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2012. Sau khi ly thân, bà Th đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn đến Tòa án nhân dân Quận 6, sau đó rút đơn vì muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình và được Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 471/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2019. Tuy nhiên, tháng 11/2019 bà Th lại tiếp tục nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông T đến Tòa án nhân dân Quận 6.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho bà Th, ông T hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng ông T vắng mặt. Tại phiên tòa, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông vẫn vắng mặt, không thể hiện ý kiến. Điều này chứng tỏ ông T không còn tha thiết cuộc sống vợ chồng với bà Thủy, không thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, cố tình để mặc bà Th tự giải quyết việc mâu thuẫn vợ chồng.

Qua những phân tích trên cho thấy: quan hệ vợ chồng giữa bà Th, ông T đã trầm trọng, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau,

khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Th là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Th, sinh năm 1984. Do con đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Th chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; các Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Thu Th ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Th, sinh năm Z. Do con đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu Th xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Thu Th phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0011817 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 6, bà Nguyễn Thị Thu Th đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 56/TH, quyển số 01/97 ngày 28/01/1997 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này

trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Ủy ban nhân dân Q11, TPHCM ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nam